

Bản án số: 27/2024/HNGĐ-ST.

Ngày: 02-7-2024.

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung  
khi ly hôn.

**NHÂN DANH**  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ R

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đoàn Văn Thâm.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Kim Phụng và bà Nguyễn Thị Thuỳ Ngân.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Tú – Thư ký của Tòa án nhân dân thành phố R.

Trong ngày 02 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố R, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ L số 195/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2024/QĐXX-ST ngày 25 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

\* *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1998 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ 3, khu phố 6, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

\* *Bị đơn:* Anh Võ Văn L, sinh năm 1993 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số 226, tổ 4, ấp T, xã P, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* **Tại đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa nguyên đơn – chị Nguyễn Thị T trình bày:** Chị T và anh Võ Văn L tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn và được UBND xã P, thành phố R, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 16/5/2019. Cuộc sống hôn nhân hạnh phúc đến khoảng tháng 10/2023 thì xảy ra nhiều mâu thuẫn gay gắt, tình trạng căng thẳng ngày càng trầm trọng, hai bên có hàn gắn nhưng không thành và cũng đã ly thân từ tháng 02/2024. Thấy sống chung không hạnh phúc, cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục nên chị T yêu cầu ly hôn.

L do xin ly hôn: Chị T cho rằng quá trình chung sống tính tình hai bên không hòa hợp, vợ chồng luôn bất đồng về quan điểm và lối sống, tình cảm vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Ngoài ra, không còn nguyên nhân nào khác.

**Về con chung:** Chị T xác nhận có 01 con chung tên Võ Minh Đ, sinh ngày 13/12/2019. Chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và xác

định đủ điều kiện tự nuôi con nên tự nguyện không yêu cầu chồng cấp dưỡng nuôi con.

**Về tài sản chung, nợ chung:** Chị T xác nhận không có tài sản chung và cam kết hiện nay không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**\* Tại bản tự khai đề ngày 25/6/2024, bị đơn – anh Võ Văn L trình bày:** Anh L xác nhận việc vợ chồng chung sống là hoàn toàn tự nguyện và hợp pháp. Cuộc sống hôn nhân xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn nên đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh Võ Văn L xác nhận có 01 con chung tên Võ Minh Đ, sinh ngày 13/12/2019. Anh Võ Văn L đồng ý giao 01 con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Võ Văn L xác nhận tự thoả thuận tài sản chung và cam kết hiện nay không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**\* Tại phiên tòa:**

- Nguyên đơn – chị T xác định giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn đối với anh Võ Văn L. Yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu cấp dưỡng và xác nhận không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn – anh Võ Văn L có đơn xin vắng mặt.

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử,*

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

**[1] Về thủ tục tố tụng:** Bị đơn – anh Võ Văn L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt đề ngày 25/6/2024. Tại phiên tòa nguyên đơn đồng ý xét xử vắng mặt bị đơn. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt bị đơn.

**[2] Về quan hệ hôn nhân:** Chị T và anh Võ Văn L tự nguyện chung tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được UBND xã P, thành phố R, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 16/5/2019 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Chị T khởi kiện cho rằng quá trình chung sống giữa vợ chồng do tính tình không hợp, không cùng quan điểm, tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng cũng đã ly thân. Đồng thời, anh Võ Văn L cũng thể hiện ý kiến đồng ý ly hôn.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh L đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không Đ được. Do đó, sau khi nghị án Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

**[3] Về con chung:** Chị T và anh L thống nhất xác nhận có 01 con chung tên Võ Minh Đ, sinh ngày 13/12/2019. Hai bên thống nhất sau khi ly hôn chị T

sẽ trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Chị T xác nhận đủ điều kiện tự nuôi con chung nên tự nguyện không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, chị T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung ổn định từ khi ly thân đến nay. Đồng thời, anh L cũng tự nguyện giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, đặc biệt là các điều kiện cho sự phát triển về thể chất, bảo đảm việc học hành và các điều kiện cho sự phát triển tốt về tinh thần và bảo vệ quyền lợi cho trẻ em, nên căn cứ vào quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử thông nhất chấp nhận yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung của chị T.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện không yêu cầu anh Võ Văn L cấp dưỡng nuôi con chung của chị T.

**[4] Về tài sản chung, nợ chung:** Chị T xác nhận không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Võ Văn L trình bày tại bản tự khai về việc tự thoả thuận tài sản chung nhưng không cung cấp tài liệu chứng cứ về tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân và anh L cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, HĐXX không giải quyết trong vụ kiện này. Anh L có quyền khởi kiện thành vụ kiện dân sự khác theo quy định của pháp luật.

Về nợ chung: Chị T và anh L đều thống nhất cam kết hiện nay không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**[5] Về án phí:** Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27, Mục A Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 và khoản 2 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27, Mục A Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

*Tuyên xử:*

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Võ Văn L.

**2. Về con chung:** Giao con chung tên Võ Minh Đ, sinh ngày 13/12/2019 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị T về việc không yêu cầu anh Võ Văn L cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Võ Văn L có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Chị Nguyễn Thị T cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở anh Võ Văn L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Trường hợp anh Võ Văn L lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị Nguyễn Thị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Võ Văn L.

Quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định pháp luật

**3. Về tài sản chung:** Chị Nguyễn Thị T xác nhận không có tài sản chung, anh Võ Văn L xác định tự thỏa thuận tài sản chung. Chị Nguyễn Thị T và anh Võ Văn L đều không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề tài sản chung trong vụ án này nên HĐXX miễn xét.

Anh Võ Văn L có quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn thành vụ kiện dân sự khác theo quy định của pháp luật.

**4. Về nợ chung:** Chị Nguyễn Thị T và anh Võ Văn L thống nhất cam kết hiện nay không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**5. Về án phí:** Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0006315 ngày 27/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố R, chị **Nguyễn Thị T** đã nộp đủ.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 02/7/2024), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có L do chính đáng thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tp.R;
- Chi cục THA dân sự tp.R;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đoàn Văn Thâm**

